

Số: /BC-SKHCN

Quảng Trị, ngày tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính
6 tháng đầu năm 2023

Căn cứ Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về ban hành Quy định đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025; Công văn số 870/SNV-CCHCVTLT ngày 10/7/2023 về việc hướng dẫn việc tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh năm 2023.

Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo về tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC 6 tháng đầu năm 2023 với các nội dung sau:

1. Tổng số điểm tự đánh giá đạt: 68,31 điểm/79.5 điểm.

2. Các phần trừ vào điểm tổng: 20.5 điểm

- Mục 1.3 **Kiểm tra công tác cải cách hành chính: 2,5 điểm**

- Mục 1.5.2 Tổ chức thực hiện đánh giá chỉ số đã công bố và kết quả khắc phục tồn tại, hạn chế: 1 điểm.

- Mục 1.7 **Thực hiện cam kết cải thiện, nâng cao các chỉ số: 1 điểm**

- Mục 2.2.2 **Thực hiện các hoạt động về theo dõi THPL: 1,5 điểm**

- Mục 2.2.3 **Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật: 0,5 điểm**

- Mục 2.2.4 **Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật: 1,5 điểm.**

- Mục 2.3.3 **Xử lý văn bản QPPL sau rà soát: 2 điểm.**

- Mục 2.3.4 **Công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL: 0,5 điểm.**

- Mục 3.1.1 **Rà soát, đánh giá TTHC và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề qua rà soát :Từ 15/12/2022 đến 15/06/2023, Bộ KH&CN không có ban hành TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở (trừ vào điểm tổng): 0,5 điểm.**

- Mục 3.1.2 Công bố thủ tục hành chính 3 cấp (tỉnh, huyện, xã): Từ 15/12/2022 đến 15/06/2023, Bộ KH&CN không có ban hành TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở (trừ vào điểm tổng): 1 điểm.

- Mục 4.2.3: Tỷ lệ giảm biên chế, số người làm việc so với năm 2021: Theo kế hoạch tinh giản đã được phê duyệt, năm 2023 Sở KH&CN không có chỉ tiêu tinh giản biên chế (trừ vào điểm tổng): 1 điểm

- Mục 5.6: **Đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao (bằng báo cáo và bằng phần mềm): 2 điểm.**

- Mục 6.1.3: *Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.* Nội dung này hiện đang thanh tra tài chính tại Sở KH&CN, chưa có kết luận thanh tra. (trừ vào điểm tổng): 1 điểm

- Mục 6.2.3: *Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021 (Trường hợp vượt chỉ tiêu giai đoạn 2015 - 2021 sẽ được tính lũy kế): 1 điểm.*

- Mục 6.3.1: Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: 0,5 điểm.

- Mục 6.3.2: Công khai tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: 0,5 điểm.

- Mục 6.3.2: Công khai tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: 0,5 điểm.

- Mục 6.3.3: Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công: 0,5 điểm.

- Mục 6.3.4: Kiểm kê tài sản hàng năm: 0,5 điểm.

- Mục 7.1.1: Mức độ thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của sở, ban, ngành (*không ban hành KH thì không có điểm*): 1 điểm.

- Mục 7.1.2: Ứng dụng phần mềm hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc; các phần mềm quản lý điều hành do UBND tỉnh quy định thực hiện: 1 điểm.

- Mục 7.4: Lưu trữ hồ sơ, thủ tục hành chính điện tử; lưu trữ điện tử hồ sơ công việc: 1 điểm.

- Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số CCHC (*Phụ lục đính kèm*).

- Tài liệu kiểm chứng được cập nhật trên phần mềm tại địa chỉ: danhgiathutuchanhchinh.quangtri.gov.vn.

- Đề xuất, kiến nghị: không.

Trên đây là Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC 6 tháng đầu năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ gửi Hội đồng chấm điểm CCHC của tỉnh để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Các Sở ngành: Nội vụ, KH-ĐT, Tài chính, TT-TT, Tư pháp, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Lân

Phụ lục I(Kèm theo Báo cáo số: BC-SKHCN ngày tháng 7 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị)**BỘ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN, CƠ QUAN THUỘC UBND TỈNH**

TC, TCTP	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ		Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
			Cơ quan chuyên môn tự đánh giá	HD thẩm định đánh giá		
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	19.5	11.8	1		
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính	3	2.51			
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	0.5	0,5		Đã ban hành Kế hoạch CCHC đúng thời gian quy định. Kế hoạch số 05/KH-SKHCN ngày 13/01/2023	
	<i>Ban hành đúng thời gian quy định: 0.5</i>					
	<i>Ban hành không đúng thời gian quy định: 0</i>					
1.1.2	Chất lượng kế hoạch ban hành	0.5	0,5		Ban hành đạt yêu cầu theo quy định; Kế hoạch CCHC đã xác định đầy đủ 06 nội dung theo quy định; nhiệm vụ cụ thể của Kế hoạch được thể hiện bằng khung logic, có kết quả đạt được, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thời gian hoàn thành trong năm.	
	<i>Đạt yêu cầu theo hướng dẫn: 0.5</i>					
	<i>Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn: 0</i>					
1.1.3	Mức độ thực hiện KH CCHC	2	1,51			
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch</i> <i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành</i> <i>Nếu tỷ lệ b/a <0.7 thì điểm đánh giá là 0</i>				Đã thực hiện được 28/37 nhiệm vụ đề ra, đạt 75,68% kế hoạch đề ra năm 2023,	
1.2	Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính	4	2,3			

	<i>Số báo cáo định kỳ: Tính theo công thức: Số báo cáo X 0.1đ</i>	0.4	0.2	<p>Đã thực hiện Báo cáo quý I, II năm 2023:</p> <p>1. Báo cáo số 20/BC-SKHCHN ngày 15/3/2023 về Báo cáo Công tác CCHC và chỉ số hiệu quả quản trị hành chính Quý I và kế hoạch công tác Quý II năm 2023;</p> <p>2. Báo cáo số 63/BC-SKHCHN ngày 15/6/2023 Công tác CCHC và chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công 6 tháng đầu năm 2023;</p> <p>3. Báo cáo số 23/BC-SKHCHN ngày 17/03/2023 về Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hoá phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp;</p> <p>4. Báo cáo số 31/BC-KHCHN ngày 29/3/2023 về việc thực hiện Luật Cán bộ, Công chức 2008, Luật Viên chức 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, Công chức và Luật Viên chức 2019;</p> <p>5. Báo cáo số 17/BC-SKHCHN ngày 14/03/2023 về tình hình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.</p>		
	<i>Nội dung báo cáo định kỳ: Tính theo công thức: Số báo cáo đảm bảo nội dung X 0.5đ</i>	2	1			
	<i>Thời gian báo cáo định kỳ: Tính theo công thức: Số báo cáo đúng thời gian quy định X 0.25 đ</i>	1	0,5			
	<i>BC đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh (hoặc UBND tỉnh giao SNV hướng dẫn các cơ quan, đơn vị báo cáo về CCHC)</i>	0.6	0.6		Báo cáo số 23/BC-SKHCHN ngày 17/03/2023 về Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hoá phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp	
1.3	Kiểm tra công tác cải cách hành chính	2.5			Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm
1.3.1	Tỷ lệ phòng, ban, đơn vị trực thuộc được kiểm tra	0.5				
	<i>Từ 30% số phòng, ban, đơn vị trở lên: 0.5</i>					
	<i>Từ 20% - dưới 30% số phòng, ban, đơn vị: 0.25</i>					

	<i>Dưới 20% số phòng, ban, đơn vị: 0</i>				
1.3.2	Xử lý, kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	2			
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * 2 + (c/a) * 1$ Trong đó: a là tổng số vấn đề phải xử lý. b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý. c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành. Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa.</i>				
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	3	3		
1.4.1	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC đã ban hành	1	1		Đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2023 (Kế hoạch số 20/KH-SKHCHN ngày 14/02/2023; Báo cáo số 76/BC-SKHCHN ngày 07/7/2023 về Kết quả tuyên truyền cải cách hành chính
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$ Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ $b/a < 0.7$ hoặc không ban hành Kế hoạch thì điểm đánh giá là 0</i>				
1.4.2	Đa dạng trong tuyên truyền CCHC	2	1		
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua bài viết hoặc phóng sự trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử : 1</i>				Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thành tốt các mục tiêu của Kế hoạch 20/KH-SKHCHN Kế hoạch tuyên truyền về CCHC năm 2023 của Sở Khoa học và công nghệ. Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh và đa dạng dưới nhiều hình thức (Cổng Thông tin điện tử KH&CN, Đặc san KH&CN, Bản tin Thông tin KH&N, Chuyên mục KH&CN) Trên cổng https://sokhcn.quangtri.gov.vn : 26 tin, bài viết; Trên cổng Dostquangtri.gov.vn : 54 tin, bài
	<i>Hình thức khác: 1</i>				
1.5	Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện CCHC	3	2		

1.5.1	Triển khai các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC	1	1	
	<p><i>Triển khai đầy đủ, kịp thời bằng văn bản (Thời gian ban hành theo yêu cầu của văn bản hoặc tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành văn bản): 1</i></p>			<p>Đã ban hành các văn bản chỉ đạo hướng dẫn, đôn đốc công tác CCHC:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công văn số 55/SKHHCN-VP ngày 31/01/2023 V/v triển khai thực hiện Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; 2. Công văn số 275/SKHHCN-VPV/v đôn đốc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023; 3. Công văn số 386/SKHHCN-VP V/v tuyên truyền, quán triệt Kế hoạch hành động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp DVCTT; 4. Công văn số 444/SKHHCN-VP V/v đẩy mạnh triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của TTCP v/v tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI; 5. Công văn số 513/SKHHCN-VP V/v triển khai thực hiện Thông báo số 169/TB-VPCP ngày 05/5/2023 của VPCP; 6. Công văn số 218/SKHHCN-VP ngày 24/03/2023 V/v báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC và PAPI quý I năm 2023 V/v triển khai Thông báo số 55/TB-VPCP ngày 24/02/2023 của VPCP; 7. Công văn số 274/SKHHCN-VP ngày 06/04/2023 V/v sử dụng chức năng quét mã QR code trên thẻ căn cước công dân gắn chip để kiểm tra, đối chiếu thông tin công dân trong giao dịch hành chính; 8. Công văn số 305/SKHHCN-VP ngày 17/04/2023 V/v Hướng dẫn đăng nhập Cổng DVC tỉnh qua hệ thống xác thực định danh điện tử của Bộ Công an với CổngDVCQG để thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến; 9. Công văn số 314/SKHHCN-VP ngày 18/04/2023 V/v tái cấu trúc quy trình thực hiện TTHC trên môi trường điện tử. 10. Công văn số 320/SKHHCN-VP ngày 18/04/2023 V/v triển khai thực hiện Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh về Công bố

				<p>TTHC nội bộ của tỉnh Quảng Trị;</p> <p>11. Công văn số 386/SKHHCN-VP ngày 09/05/2023 V/v tuyên truyền, quán triệt Kế hoạch hành động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp DVCTT;</p> <p>12. Công văn số 419/SKHHCN-VP ngày 16/05/2023 V/v đẩy mạnh thực hiện kiểm tra công vụ, đảm bảo thực hiện bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy trong giấy trong giải quyết TTHC;</p> <p>13. Công văn số 444/SKHHCN-VP ngày 24/05/2023 V/v đẩy mạnh triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI;</p>	
	<i>Không triển khai đầy đủ, kịp thời: 0</i>				
1.5.2	Tổ chức thực hiện đánh giá chỉ số đã công bố và kết quả khắc phục tồn tại, hạn chế	1	1	1	Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).
	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * 1.0 + (c/a) * 0.5$</p> <p>Trong đó:</p> <p>a là tổng số vấn đề phải khắc phục.</p> <p>b là số vấn đề đã hoàn thành việc khắc phục.</p> <p>c là số vấn đề đã khắc phục nhưng chưa hoàn thành.</p> <p>Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.</p>				
1.5.3	Ban hành các văn bản chỉ đạo hướng dẫn, đôn đốc công tác CCHC	1	1		<p>ã ban hành các văn bản chỉ đạo hướng dẫn, đôn đốc công tác CCHC 1. Kế hoạch số 15/KH-SKHHCN ngày 13/02/2003 Duy trì và nâng cao chỉ số cải cách hành chính của Sở KH&CN năm 2023; 2. Công văn số 79/SKHHCN-VP ngày 10/02/2023 V/v rà soát trách nhiệm việc tham mưu các nhiệm vụ về CCHC năm 2022 của Sở; 3. Công văn số 111/SKHHCN-VP ngày 22/02/2023 V/v rà soát TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025; 4. Công văn số 162/SKHHCN-VP ngày 08/03/2023 V/v báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC và PAPI quý I năm 2023; 5. Công văn số 268/SKHHCN-VP ngày 04/04/2023 V/v phân công</p>

					báo cáo định kỳ hàng năm; 6. Công văn số 299/SKHHCN-VP ngày 14/04/2023 V/v cắt giảm quy định kinh doanh, phân cấp giải quyết TTHC, đơn giản hóa TTHC để cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; 7. Công văn số 304/SKHHCN-VP ngày 17/04/2023 V/v nâng cao hiệu quả, tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 8. Công văn số 315/SKHHCN-VP ngày 18/04/2023 V/v kê khai, cập nhật, bổ sung thông tin trên Hệ thống thông tin CBCCVC tỉnh; 9. Công văn số 489/SKHHCN-VP ngày 01/06/2023 V/v đơn đốc thực hiện việc cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Sở;	
	<i>Từ 05 văn bản trở lên: 1</i>					
	<i>Từ 03 văn bản - dưới 05 văn bản: 0.5</i>					
	<i>Dưới 03 văn bản: 0</i>					
1.6	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính	3	1.5			
1.6.1	Sáng kiến, giải pháp được Ban Chỉ đạo CCHC Chính phủ công nhận	1				
	<i>Cứ 01 sáng kiến, giải pháp mới được tính 0,5 điểm (tối đa không quá 1 điểm)</i>					
	<i>Không có sáng kiến, giải pháp: 0</i>					
1.6.2	Sáng kiến, giải pháp được cấp Tỉnh và cấp cơ sở công nhận	2	1.5		Quyết định 1091/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 về công nhận đề tài, sáng kiến, giải pháp cấp tỉnh (đợt 1); Công văn số 30/TTNCUD-KHTH về đăng ký sáng kiến, giải pháp về CCHC năm 2023	
	<i>Cứ 01 sáng kiến, giải pháp mới được tính 0,5 điểm (tối đa không quá 2 điểm)</i>					
	<i>Không có sáng kiến, giải pháp: 0</i>					
1.7	Thực hiện cam kết cải thiện, nâng cao các chỉ số	1	1	1	Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm

	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đã ký cam kết b là số nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ b/a < 0.7 thì điểm đánh giá là 0</i>					
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	11.5	5.5			
2.1	Chủ trì soạn thảo trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL trong năm (theo chương trình XD VBQPPL trong năm kế hoạch đã được phê duyệt)	2	2		1. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị;	
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa Trong đó: a là tổng số VBQPPL phải soạn thảo, trình ban hành b là số VBQPPL được Soạn thảo, trình ban hành VBQPPL đúng quy trình theo quy định Nếu tỷ lệ b/a < 0.5 thì điểm đánh giá là 0</i>					
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật (THPL)	4	0.5			
2.2.1	Ban hành kế hoạch theo dõi THPL	0.5	0,5		Đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-SKHCN ngày 13/02/2023 về Theo dõi thi hành pháp luật năm 2023	
	<i>Ban hành Kế hoạch đúng thời gian quy định: 0,5</i>					
	<i>Ban hành Kế hoạch không đúng thời gian quy định hoặc không ban hành kế hoạch: 0</i>					
2.2.2	Thực hiện các hoạt động về theo dõi THPL	1.5	 	 	Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm
	<i>Tổ chức hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát: 1.5</i>					
	<i>Không tổ chức hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát: 0</i>					
2.2.3	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0.5	 	 	Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm

	Báo cáo đúng nội dung và thời gian quy định: 0.5					
	Báo cáo không đúng nội dung và không đúng thời gian quy định): 0					
2.2.4	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1.5	1	1	Nội dung này không chắm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm
	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 1,5 điểm					
	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0					
2.3	Tổ chức triển khai việc thực hiện VBQPPL; rà soát VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành thuộc phạm vi lĩnh vực sở, ban, ngành quản lý	5.5	3	-	-	-
2.3.1	Tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL	1.5	1.5			
	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$ Trong đó: a là tổng số VBQPPL phải triển khai thực hiện b là số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định Nếu tỷ lệ $b/a < 0.7$ thì điểm đánh giá là 0</p>				<p>Đã ban hành:</p> <ol style="list-style-type: none"> Kế hoạch số 03/KH-SKHCN ngày 11/01/2023 Kế hoạch rà soát, kiểm tra, xử lý VBQPPL 2023; Kế hoạch số 21/KH-SKHCN ngày 02/06/2023 Hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023; Báo cáo 40/BC-SKHCN ngày 25/4/2023 về Sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 06/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân trên địa bàn tỉnh” Báo cáo số 55/BC-SKHCN ngày 02/6/2023 về thi hành Hiến pháp, các văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên và Nghị quyết HĐND tỉnh 6 tháng năm 2023 Báo cáo số 64/BC-SKHCN ngày 15/6/2023 về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tháng đầu năm 2023 Báo cáo số 76/BC-SKHCN ngày 07/7/2023 về Kết quả tuyên truyền cải cách hành chính 6 tháng đầu 	

					năm 2023	
2.3.2	Thực hiện kế hoạch rà soát VBQPPL	1.5	1.5			
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch</i> <i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành</i> <i>Nếu tỷ lệ b/a < 0.7 hoặc ban hành kế hoạch không đúng thời gian quy định hoặc không ban hành kế hoạch thì điểm đánh giá là 0</i>				<p>Đã ban hành:</p> <ol style="list-style-type: none"> Kế hoạch số 03/KH-SKHCN ngày 11/01/2023 về Rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 Công văn số 214/SKHCN-TTra ngày 23/03/2023 về việc báo cáo kết quả rà soát văn bản của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 512/SKHCN-TTra ngày 07/06/2023 v/v đề nghị bổ sung xây dựng văn bản quy phạm pháp luật 2023; 	
2.3.3	Xử lý văn bản QPPL sau rà soát	2			Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a) *điểm tối đa.</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số văn bản cần phải xử lý hoặc kiến nghị xử lý.</i> <i>b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý.</i> <i>Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.</i>					
2.3.4	Công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0.5			Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm
	<i>Báo cáo đủ số lượng, nội dung và thời gian theo quy định: 0.5</i>					
	<i>Báo cáo thiếu số lượng (hoặc không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định): 0 điểm</i>					
3	CÁI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)	24.0	19.7			
3.1	Rà soát, đánh giá, công bố thủ tục hành chính 3 cấp (tỉnh, huyện, xã)	2.5	1			
3.1.1	Rà soát, đánh giá TTHC và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề qua rà soát	0.5			Từ 15/12/2022 đến 15/06/2023, Bộ KH&CN không có ban hành TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của	

					Sở (trừ vào điểm tổng).
	Tổ chức rà soát, đánh giá TTHC và có kiến nghị đề xuất phương án đơn giản hoá được phê duyệt trong quyết định của UBND tỉnh. Đạt 20% trên tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ thì đạt 0,5 điểm				
	Không tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá hoặc không có báo cáo: 0				
3.1.2	Công bố thủ tục hành chính 3 cấp (tỉnh, huyện, xã)	1	1	1	Từ 15/12/2022 đến 15/06/2023, Bộ KH&CN không có ban hành TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở (trừ vào điểm tổng).
	Rà soát, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC kịp thời, đầy đủ, đúng quy định của cả 3 cấp: 1				
	Rà soát và trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC: Chậm; chưa đầy đủ theo quy định: 0,5				
	Không rà soát để trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố khi có TTHC sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành: 0				
3.1.3	Thống kê, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ	1	1		Đã rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành 03 TTHC nội bộ trong hệ thống quản lý nhà nước về lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh (Tờ trình số 27/TTr-SKH&CN ngày 30/3/2023) tại Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 về công bố thủ tục hành chính nội bộ của tỉnh Quảng Trị
	Đã thực hiện đầy đủ: 01				
	Chưa thực hiện: 0				
3.2	Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1	1		Đã tham mưu UBND ban hành Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị.

	<i>Xây dựng quy trình đầy đủ, đúng quy định: 1</i>				
	<i>Quy trình không đầy đủ, không đảm bảo chất lượng: 0</i>				
3.3	Cập nhật, niêm yết, công khai thủ tục hành chính	2	2		
3.3.1	Tỷ lệ niêm yết công khai TTHC tại nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo quy định	1	1		100% thủ tục hành chính (47 TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ được niêm yết, công khai theo quy định tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh và Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị. Với 05 lĩnh vực: 1. Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ: 02 TT 2. Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân: 07 TT 3. Lĩnh vực Quản lý công sản: 02 TT 4. Lĩnh vực hoạt động khoa học: 25 TT 5. Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 11 TT
-	<i>Đạt tỷ lệ 100%: 1</i>				
-	<i>Đạt tỷ lệ dưới 100%: 0</i>				
3.3.2	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của sở, ban, ngành	1	1		Công khai các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tại Cổng giao tiếp dịch vụ công tỉnh Quảng Trị tại địa chỉ: http://dichvucong.quangtri.gov.vn . TTHC đã được công khai tại Cổng thông tin điện tử Sở KH&CN: (https://dostquangtri.gov.vn) Sở đã đăng tải lên mục “Văn bản KH&CN” trên Cổng thông tin điện tử của Sở các Quyết định công bố danh mục TTHC, phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở KH&CN do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành đầy đủ, đúng quy định. Sở đã đăng tải lên mục “Thủ tục hành chính” trên Cổng thông tin điện tử của Sở 47 thủ tục hành chính
	<i>Đạt tỷ lệ 100% TTHC được công khai: 1</i>				
	<i>Dưới 100% số TTHC: 0</i>				
3.4	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận một cửa theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1	1		100% TTHC (47 thủ tục hành chính) của Sở được thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại bộ phận một cửa theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Với 05 lĩnh vực: 1. Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ: 02 TT 2. Lĩnh

					<p>Việt An toàn bức xạ hạt nhân: 07 TT 3. Lĩnh vực Quản lý công sản: 02 TT 4. Lĩnh vực hoạt động khoa học: 25 TT 5. Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 11 TT</p>
	<i>Đạt tỷ lệ 100%: 1</i>				
	<i>Đạt tỷ lệ dưới 100%: 0</i>				
3.5	Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua Hệ thống Một cửa điện tử	1	1		<p>100% hồ sơ TTHC được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua hệ thống một cửa điện tử. Kèm theo ảnh chụp màn hình số liệu trên Hệ thống để kiểm chứng: https://drive.google.com/file/d/1SkTJb_mAoLzeqzKYdkgOgoyp6EV1XVez/view?usp=sharing</p>
	<i>Đạt tỷ lệ 100%: 1</i>				
	<i>Dưới 100%: 0</i>				
3.6	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	3	3		
	<p><i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$</i> Trong đó: <i>a là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm</i> <i>b là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn và trước hạn</i> <i>Nếu tỷ lệ $b/a < 0.95$ thì điểm đánh giá là 0</i></p>				<p>100% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trả trước hạn và đúng hạn.</p>
3.7	Thực hiện quy định xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	2	2		<p>6 tháng đầu năm 2023, Sở Khoa học và Công nghệ không có hồ sơ trễ hẹn</p>
3.7.1	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	1	1		<p>6 tháng đầu năm 2023, Sở Khoa học và Công nghệ không có hồ sơ trễ hẹn</p>
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>				

3.7.2	Thực hiện nội dung Quy định công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (ban hành kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh) gắn với Quy chế làm việc và Quy chế thi đua, khen thưởng của cơ quan hàng năm	1	1		6 tháng đầu năm 2023, Sở Khoa học và Công nghệ không có hồ sơ trễ hẹn
	<i>Có bổ sung và thực hiện: 1</i>				
	<i>Không bổ sung và không thực hiện: 0</i>				
3.8	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1	1		6 tháng đầu năm Sở KH&CNN không nhận được phản ánh, kiến nghị nào về thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở
	<i>Không nhận được phản ánh, kiến nghị nào hoặc 100% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>Từ 90%- dưới 100% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i>				
	<i>Dưới 90% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
3.9	Chế độ thông tin báo cáo TTHC	1	1		
	<i>Báo cáo đủ số lượng, đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1</i>				Báo cáo đủ số lượng, đúng nội dung và thời gian theo quy định trên phần mềm báo cáo chính phủ tại địa chỉ: https://vpcp.baocaochinhphu.gov.vn ; Báo cáo quý I, II/2023
	<i>Báo cáo thiếu số lượng (hoặc không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định) 0</i>				
3.10	Đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1	1		Thực hiện đánh giá việc giải quyết TTHC đầy đủ, đúng quy định
	<i>Thực hiện đánh giá việc giải quyết TTHC đầy đủ, đúng quy định và số phiếu đánh giá thu về đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định: 1</i>				

	<i>Thực hiện không đầy đủ, không đúng quy định, số phiếu đánh giá thu về không đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định: 0</i>				
3.11	Số hóa hồ sơ TTHC	2	2		
3.11.1	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử	1	1		100% hồ sơ TTHC được luân chuyển trong nội bộ cơ quan
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa Trong đó: a là tổng số hồ sơ tiếp nhận b là số hồ sơ thực hiện số hoá, đính kèm file thực hiện luân chuyển điện tử Nếu tỷ lệ b/a < tỷ lệ tối thiểu của quy định thì điểm đánh giá là 0</i>				
3.11.2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	1	1		
	<i>Tỷ lệ đạt từ 100% trở lên: 1 Dưới 100% tính điểm theo công thức: (((b/a)*100)*điểm tối đa)/100 Trong đó: a là Tổng số hồ sơ của các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có quy định trả kết quả giải quyết bằng văn bản, giấy tờ b là Tổng số hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử Nếu tỷ lệ b/a < tỷ lệ tối thiểu của quy định thì điểm đánh giá là 0</i>				100% hồ sơ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử: Tại các Báo cáo kết quả giải quyết TTHC của Trung tâm Phục vụ hành chính công tháng 3, 4,5,6 ..
3.12	Thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến và tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt được	2	1		

3.12.1	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	1	1		
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>				Đơn vị đạt 100 %. 6 TTHC có phí lệ phí được triển khai thanh toán trực tuyến trên tổng số 6 TTHC có phí lệ phí.
3.12.2	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	1	0		
	<i>Tỷ lệ đạt từ 30% trở lên: 1 Dưới 30% tính điểm theo công thức: $((b/a)100) * \text{điểm tối đa} / 30$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến Nếu tỷ lệ $b/a < 0.15$ thì điểm đánh giá là 0</i>				
3.13	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	4.50	2.7		
3.13.1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	1	0		
	<i>Tính điểm theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$ Trong đó: a là Tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần; b là số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Nếu $b/a < \text{tỷ lệ tối thiểu theo quy định}$ thì điểm đánh giá là 0.</i>				
3.13.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1	0,8		

	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là Tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVCTT toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy)</p>				<p>Báo cáo thống kê số liệu dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Một cửa điện tử tỉnh: https://drive.google.com/file/d/1I4tu1bqK2Q5EGGH6v9OZwffq2N9Vp7CoN/view?usp=sharing</p>
3.13.3	Tỷ lệ DVCTT triển khai trên Cổng DVC tỉnh	1.0	1		
	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết b là Tổng số DVCTT toàn trình và một phần đã đăng ký triển khai trên Cổng DVC tỉnh Nếu $b/a < \text{tỷ lệ tối thiểu của quy định hiện hành}$ thì điểm đánh giá là 0.</p>				<p>47 TTHC của sở đã đăng ký trên Cổng dịch vụ công của tỉnh tại Quyết định 1103/QĐ-UBND ngày 30/5/2023</p>
3.13.4	Tỷ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	0.5	0,38		
	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ b là tổng số DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến</p>				<p>Báo cáo thống kê số liệu dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Một cửa điện tử tỉnh: https://drive.google.com/file/d/1I4tu1bqK2Q5EGGH6v9OZwffq2N9Vp7CoN/view?usp=sharing</p>
3.13.5	Tỷ lệ hồ sơ DVCTT	1	0,52		<p>Báo cáo thống kê số liệu dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Một cửa điện tử tỉnh: https://drive.google.com/file/d/1I4tu1bqK2Q5EGGH6v9OZwffq2N9Vp7CoN/view?usp=sharing</p>

	Tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, Trong đó: a là tổng số hồ sơ trực tiếp và trực tuyến của toàn bộ TTHC; b là hồ sơ trực tuyến của các DVCTT toàn trình và một phần; Nếu $b/a < \text{tỷ lệ tối thiểu}$ theo quy định thì điểm đánh giá là 0				
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	10	6.5		
4.1	Tuân thủ các quy định của Trung ương và UBND tỉnh về tổ chức bộ máy	4	4		
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Sở và tương đương	1	1		Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ;
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
4.1.2	Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng, ban, chi cục thuộc Sở và tương đương	0.5	0,5		Đã ban hành Quyết định 138/QĐ-SKHCHN ngày 14/6/2023
	<i>Đầy đủ và đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Chưa đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>				
4.1.3	Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập)	0.5	0,5		Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành: Quyết định 1163/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Trị. Quyết định 1164/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo.
	<i>Đầy đủ và đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Chưa đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>				

4.1.4	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng tại các cơ quan hành chính và các đơn vị SNCL thuộc và trực thuộc	1	1	<p>Đúng quy định: Sở KH&CN có 5 phòng chuyên môn và 02 đơn vị sự nghiệp: có 5 Trưởng phòng, 05 phó phòng; 01 Giám đốc Trung tâm KTTCDLCL, 02 Phó Giám đốc TTNC&ĐMST; 01 PGĐ TT Kỹ thuật.</p> <p>Các Quyết định số: 18/QĐ-SKHHCN ngày 21/3/2023 v/v bổ nhiệm PTP phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo: Phan Tuấn Anh; 19/QĐ-SKHHCN ngày 21/3/2023 v/v bổ nhiệm Trưởng phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo: Thái Thị Nga; 50/QĐ-SKHHCN ngày 21/3/2023 v/v PGĐ Trung tâm KT TCĐLCL: Hoàng Văn Thám; 51/QĐ-SKHHCN ngày 21/3/2023 v/v PGĐ Trung tâm KT TCĐLCL: Lê Thị Hà Nhiên; 56/QĐ-SKHHCN ngày 24/3/2023 v/v bổ nhiệm TP Kế hoạch-Tài chính; 74/QĐ-SKHHCN ngày 12/4/2023 v/v bổ nhiệm PGĐ TT Nghiên cứu, CGCN và ĐMST: Võ Thị Minh Ngọc; 75/QĐ-SKHHCN ngày 12/4/2023 v/v bổ nhiệm PGĐ TT Nghiên cứu, CGCN và ĐMST: Nguyễn Hương;</p>	
	<i>Đúng quy định 1</i>				
	<i>Không đúng quy định:0</i>				
4.1.5	Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020)	1	1	<p>Sở đã tiến hành sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm 01 Trung tâm Nguyên cứu, Chuyên giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo và 01 Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng theo quy định của Chính phủ theo đúng Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020):</p> <ol style="list-style-type: none"> Quyết định 1163/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Trị. Quyết định 1164/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo. Tờ trình số 52/TTr-KTTĐC ngày 28/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc phê duyệt Phương án sắp xếp kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu 	

				chuẩn Đo lường Chất lượng. 4. Quyết định 108/QĐ-TTNCCG ngày 29/6/2023 của Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng ban thuộc Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo.
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1</i>			
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ: 0.5</i>			
	<i>Chưa thực hiện: 0</i>			
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	3	2	
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1	1	Sử dụng đúng biên chế hành chính được giao theo Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Giao chỉ tiêu biên chế công chức, số người làm việc, hợp đồng lao động và biên chế hội năm 2023 đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức hội;
	<i>Sử dụng đúng biên chế hành chính được giao: 1</i>			
	<i>Sử dụng không đúng: 0</i>			
4.2.2	Thực hiện quy định về sử dụng số lượng người làm việc	1	1	Sử dụng đúng số lượng người làm việc được giao theo quy định.
	<i>Sử dụng đúng số lượng người làm việc được giao: 1</i>			
	<i>Sử dụng không đúng: 0</i>			
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế, số người làm việc so với năm 2021	1	1	Theo kế hoạch tinh giản đã được phê duyệt, năm 2023 Sở KH&CN không có chỉ tiêu tinh giản biên chế (trừ vào điểm tổng)

	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với giảm biên chế công chức: + Đạt từ 100% trở lên theo kế hoạch của năm đã được phê duyệt: 0,5 điểm; + Đạt dưới 100%: 0 điểm. - Đối với giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước: + Đạt từ 100% trở lên theo kế hoạch của năm đã được phê duyệt: 0,5 điểm; + Đạt dưới 100%: 0 điểm. 				
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	2.5	-		
4.3.1	Thực hiện phân cấp quản lý đối với ngành, lĩnh vực do sở, ngành phụ trách	0.5	0		
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 0,5</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>				
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp	1	0		
	<i>Có thực hiện: 1</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1	0		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
4.4	Ban hành quy chế làm việc của sở, ban, ngành	0.5	0,5		Đã ban hành Quyết định số 139/QĐ-SKHCN ngày 14/6/2023 của Sở KHCN về việc ban hành quy chế làm việc của Sở KHCN
	<i>Có ban hành và sửa đổi khi thay đổi : 0.5</i>				
	<i>Không ban hành: 0</i>				
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	12.5	10		
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2	2		

5.1.1	Tỷ lệ phòng, ban, chi cục thuộc sở, ban, ngành bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	1	<p>Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành: Quyết định 2041/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về Điều chỉnh danh mục vị trí việc làm và khung năng lực của Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ;</p> <p>2. Quyết định 2100/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về Danh mục vị trí việc làm và khung năng lực của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.</p>
	<p>- 100% số cơ quan, tổ chức: 1</p> <p>- Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức: 0.50</p> <p>- Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, tổ chức: 0.25</p> <p>- Dưới 60% số cơ quan, tổ chức: 0</p>			
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	1	Đã xây dựng vị trí việc làm gửi Sở Nội vụ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, Tờ trình số 64/TTr-SKHHCN ngày
	<p>- 100% số cơ quan, tổ chức: 1</p> <p>- Từ 80% - dưới 100% số đơn vị, tổ chức: 0.50</p> <p>- Từ 60% - dưới 80% số đơn vị, tổ chức: 0.25</p> <p>- Dưới 60% số đơn vị, tổ chức: 0.</p>			
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	2	2	
5.2.1	Đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức khi còn biên chế	0.5	0,5	Sở xây dựng kế hoạch tuyển dụng Công chức theo Công văn số 246/SKHHCN-VP ngày 29/3/2023 về tuyển dụng công chức, sử dụng công chức và xây dựng Kế hoạch biên chế công chức, số người làm việc, hợp đồng năm 2024.
	<i>Có thực hiện: 0,5</i>			
	<i>Không thực hiện: 0</i>			
5.2.2	Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức khi còn chỉ tiêu người làm việc	0.5	0,5	Sở xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức theo Công văn số 54/KH-SKHHCN ngày 13/5/2023 và Công văn số 270/SKHHCN-VP ngày 05/4/2023 về đăng ký tuyển dụng, sử dụng viên chức và xây dựng

					kế hoạch biên chế viên chức, số người làm việc, hợp đồng năm 2024.
	<i>Có thực hiện: 0,5</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
5.2.3	Tổ chức tuyển dụng viên chức	1	1		Sở thông báo tuyển dụng viên chức Theo Thông báo 19/TB-SKHHCN ngày 15/5/2023 về thông báo tuyển dụng viên chức. Thông báo số 01/TB -SKHCN ngày 10/7/2023.
	<i>Thực hiện tuyển dụng đúng quy định: 1</i>				
	<i>Tuyển dụng không đúng quy định : 0</i>				
5.3	Thực hiện quy định về quy trình bổ nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng, ban tương đương	1	1		Đúng quy định.
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.4	Mức độ hoàn thành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (không ban hành KH thì không có điểm)	2	2		Đã xây dựng kế hoạch đào tạo tại Công văn số 770/SKHHCN_VP ngày 25/10/2022 V/v báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCC,VC năm 2022 và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC, VC năm 2023
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch</i> <i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành</i> <i>Nếu tỷ lệ b/a <0.8 thì điểm đánh giá là 0</i>				
5.5	Cập nhật đầy đủ thông tin CB, CC, VC trên Phần mềm hệ thống thông tin CB, CC, VC của tỉnh	2	2		Đã cập nhật đầy đủ phiếu thông tin đơn vị trên hệ thống của tỉnh tại trang web: thongtinccvc.quangtri.gov.vn
	<i>Cập nhật đầy đủ, chính xác 100%: 2</i>				
	<i>Cập nhật đủ số lượng, đủ nội dung nhưng đối soát thông tin chưa đúng: 1</i>				
	<i>Cập nhật không đầy đủ: 0</i>				

5.6	Đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao (bảng báo cáo và bằng phần mềm)	2	1	1	Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm
	<i>Ban hành tiêu chí đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá hàng năm theo quy định: 2</i>					
	<i>Không ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, nhưng hàng năm có đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá: 1</i>					
	<i>Không báo các kết quả đánh giá: 0</i>					
5.7	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1.5	1.0			
	<i>Trong năm không có lãnh đạo cấp Sở và tương đương bị kỷ luật: 0.5</i>					
	<i>Trong năm cơ quan và đơn vị trực thuộc không có lãnh đạo cấp phòng và tương đương bị kỷ luật: 0.5</i> <i>Nếu có thì tính điểm theo tỷ lệ số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương bị kỷ luật so với tổng số lãnh đạo cấp phòng và tương đương:</i> <i>- Dưới 3%: 0,25 điểm</i> <i>- Trên 3%: 0 điểm</i>					
	<i>Trong năm cơ quan và đơn vị trực thuộc không có công chức, viên chức (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) bị kỷ luật: 0.5</i> <i>Nếu có thì tính điểm theo tỷ lệ Số lượng công chức, viên chức (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) bị kỷ luật so với tổng số CBCCVV (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) hiện có:</i> <i>- Dưới 0,5%: 0,25 điểm</i> <i>- Trên 0,5%: 0 điểm</i>				6 tháng đầu năm có 01 viên chức đơn vị sự nghiệp vi phạm chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình	
6	THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	10.5	6.3			
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính -	4	2.8			

	ngân sách				
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước hàng năm	2	1.8		Báo cáo số 13/BC-SKHCN ngày 27/02/2023 về tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công kế hoạch 2023; Công văn số 209/SKHCN-KHTC ngày 21/3/2023 V/v lấy ý kiến về phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023-2025
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa, trong đó: - a là Tổng số vốn phải giải ngân theo Kế hoạch; - b là Số vốn đã thực hiện giải ngân tính đến thời điểm đánh giá.</i>				
6.1.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1	1		Báo cáo số 07/BC-SKHCN ngày 03/02/2023 về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ
	<i>Thực hiện đầy đủ, không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 1</i>				
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ hoặc có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>				
6.1.3	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1	1		Nội dung này hiện đang thanh tra tài chính tại Sở KH&CN, chưa có kết luận thanh tra. (trừ vào điểm tổng).
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa, trong đó: - a là tổng số tiền phải nộp NSNN; - b là số tiền đã nộp NSNN</i>				
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) thuộc và trực thuộc	3	1		

6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên	1	-			
	<i>Có từ 20% ĐVSNCL tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, ĐVSNCL tự đảm bảo chi thường xuyên trở lên hoặc tăng thêm ít nhất 01 ĐVSNCL tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, ĐVSNCL tự đảm bảo chi thường xuyên so với năm 2021: 1</i>					
	<i>Có dưới 20% ĐVSNCL tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, ĐVSNCL tự đảm bảo chi thường xuyên trở lên hoặc không tăng thêm so với năm 2021: 0</i>					
6.2.2	Xây dựng phương án giao quyền tự chủ của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	1	1		Đã xây dựng phương án tự chủ, trình Sở Tài chính thẩm định Công văn số 209/SKHCCN-KHTC ngày 21/3/2023 V/v lấy ý kiến về phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023-2025	
	<i>Đã thực hiện xây dựng phương án giao quyền tự chủ của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo từng giai đoạn đúng quy định: 1</i>					
	<i>Chưa xây dựng phương án giao quyền tự chủ của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc: 0</i>					
6.2.3	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021 (Trường hợp vượt chỉ tiêu giai đoạn 2015 - 2021 sẽ được tính lũy kế)	1	-		Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm
	<i>Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: 1;</i>					
	<i>Đạt tỷ lệ dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % giảm chi trực tiếp NSNN × điểm tối đa) / 10%</i>					
6.3	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	3.5	1.5			

6.3.1	Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	0.5			Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm
	Đã công khai đầy đủ: 0,5					
	Đã công khai nhưng chưa đầy đủ các nội dung hoặc chưa công khai: 0					
6.3.2	Công khai tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	0.5			Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm
	Đã công khai đầy đủ theo các nhóm tài sản (Đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; Nhà, công trình xây dựng; Xe ô tô): 0,5					
	Có công khai nhưng không đầy đủ hoặc không công khai: 0					
6.3.3	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	0.5			Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm
	Báo cáo đầy đủ, đúng hạn: 0,5					
	Có báo cáo nhưng không đúng hạn hoặc không thực hiện báo cáo: 0					
6.3.4	Kiểm kê tài sản hàng năm	0.5			Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm
	Có kiểm tra (Thành lập Hội đồng; Biên bản kiểm kê đầy đủ, đúng thành phần): 0,5					
	Có thực hiện kiểm kê nhưng không đúng thời hạn, hồ sơ không đảm bảo hoặc không thực hiện kiểm kê: 0					
6.3.5	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	0.5	0,5		Đã ban hành Quyết định số 87/QĐ_SKHCN ngày 23/4/2020	
	Có ban hành: 0,5					
	Không ban hành: 0					

6.3.6	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	1	1		Đã thực hiện, tham mưu gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 628/QĐ-SKHCHN ngày 03/4/2023; Công văn số 609/SKHCHN-VP ngày 04/7/2023	
	<i>Có báo cáo kê khai và đề xuất phương án: 1</i>					
	<i>Không có báo cáo kê khai và không đề xuất phương án: 0</i>					
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ	12	9			
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan	6	4			
7.1.1	Mức độ thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của sở, ban, ngành (<i>không ban hành KH thì không có điểm</i>)	1	1	1	Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch</i> <i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành</i> <i>Nếu tỷ lệ b/a < 0.7 thì điểm đánh giá là 0</i>					
7.1.2	Ứng dụng phần mềm hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc; các phần mềm quản lý điều hành do UBND tỉnh quy định thực hiện	1	1	1	Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số phần mềm phải triển khai ứng dụng</i> <i>b là số phần mềm đã triển khai ứng dụng đạt yêu cầu</i> <i>Nếu tỷ lệ b/a < 0.8 thì điểm đánh giá là 0</i>					
7.1.3	Triển khai xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường mạng theo đúng quy trình từ khâu tiếp nhận văn bản, chuyên xử lý, tạo lập hồ sơ, trình qua các cấp thẩm quyền phê duyệt và ký số văn bản trên Phần mềm	2	2		Đã triển khai xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường mạng theo đúng quy trình.	

	QLVB và HSCV (Trừ văn bản mật)				
	<i>Đã triển khai đầy đủ: 2</i>				
	<i>Có triển khai nhưng chưa đầy đủ: 1</i>				
	<i>Chưa triển khai: 0</i>				
7.1.4	Cập nhật dữ liệu lên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Trị	2	2		
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số tổng số kỳ phải cập nhật báo cáo</i> <i>b là số kỳ đã cập nhật báo cáo đúng quy định</i> <i>Nếu tỷ lệ b/a < tỷ lệ tối thiểu quy định thì điểm đánh giá là 0</i>				Đã thực hiện cập nhật đầy đủ trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Trị năm 2022; https://bcktxh.quangtri.gov.vn/sites/bc/SitePages/data/input.aspx#state=Approved; https://bcktxh.quangtri.gov.vn/sites/bc/SitePages/report/send.aspx#All;
7.2	Thông tin cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử	2	2		Danh mục Thông tin cung cấp trên Cổng Thông tin điện tử KHCN Quảng Trị theo Khoản 1, Điều 4, Nghị định 42/2022/NĐ-CP (Gửi kèm) http://www.dostquangtri.gov.vn/ https://sokhcn.quangtri.gov.vn/en/
	<i>Cung cấp thông tin đảm bảo theo quy định: 2</i>				
	<i>Cung cấp thông tin chưa đảm bảo theo quy định): 0</i>				
7.3	Áp dụng chữ ký số	3	3		
7.3.1	Thực hiện chữ ký số tại đơn vị	1	1		
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số văn bản đã ban hành</i> <i>b là số văn bản đã ban hành áp dụng chữ ký số</i> <i>Nếu tỷ lệ b/a < tỷ lệ tối thiểu quy định thì điểm đánh giá là 0</i>				Đã thực hiện đầy đủ, 100% văn bản ký số, trừ văn bản theo quy định.

7.3.2	Lãnh đạo đơn vị áp dụng chữ ký số	2	2				
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$ Trong đó: <i>a</i> là tổng số văn bản áp dụng chữ ký số đã ban hành <i>b</i> là số văn bản Lãnh đạo ký số đã ban hành Nếu tỷ lệ $b/a <$ tỷ lệ tối thiểu quy định thì điểm đánh giá là 0					Đã thực hiện đầy đủ, Ban Giám đốc đã áp dụng ký số 100%, trừ văn bản theo quy định.	
7.4	Lưu trữ hồ sơ, thủ tục hành chính điện tử; lưu trữ điện tử hồ sơ công việc	1	1	1		Nội dung này không chấm trong 6 tháng đầu năm. (trừ vào điểm tổng).	Chỉ đánh giá theo năm
	Đã triển khai thực hiện: 1						
	Chưa triển khai: 0						
	TỔNG ĐIỂM	100					